

**TREATMENT ON COMMERCIAL PIGS AT NGUYEN XUAN DUNG FARM,
KHANH THUONG COMMUNE, BA VI DISTRICT, HANOI CITY**

Nguyen Thi Hong Van*, Pham Thuy Dung

Tan Trao University, Vietnam

Email address: hongvan90tq@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2023/901>

Article info

Received: 10/3/2023

Revised: 25/5/2023

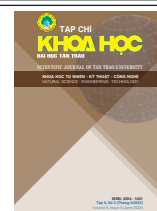
Accepted: 8/8/2023

Keywords

*Commercial pigs, growth,
arthritis, diarrhea
syndrome, pneumonia*

Abstract

After 5 months of raising at the pig farm, the survival rate was high at 98,4%. Body weight at slaughter was 112,8kg/head. Pigs raised at the farm are prevented from vaccines against swine cholera, post-weaning stunting syndrome, foot-and-mouth disease, with a rate of 100% of pigs without disease. During the rearing process, pigs suffered from arthritis, diarrhea syndrome, pneumonia with the rate of 4.27%, respectively; 8.4%; 15.07%. After 3 days of antibiotic treatment, pigs progressed well, in which arthritis had the highest cure rate of 96.96%, and the lowest rate was 90.48% for diarrhea pig syndrome



**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH
TRÊN ĐÀN LỢN THƯƠNG PHẨM TẠI TRẠI NGUYỄN XUÂN DŨNG,
XÃ KHÁNH THƯỢNG, HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Nguyễn Thị Hồng Vân, Phạm Thùy Dung*

Trường Đại học Tân Trào, Việt Nam

Địa chỉ email: hongvan90tq@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2023/901>

Thông tin bài viết	Tóm tắt
<p>Ngày nhận bài: 10/3/2023</p> <p>Ngày sửa bài: 25/5/2023</p> <p>Ngày duyệt đăng: 8/8/2023</p>	<p>Sau 05 tháng nuôi lợn có tỷ lệ sống cao đạt 98,4%. Khối lượng cơ thể lúc xuất chuồng là 112,8kg/con. Lợn nuôi tại trại được phòng các loại vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn, hội chứng còi cọc sau cai sữa, lở mồm long móng đạt tỷ lệ 100% lợn không mắc bệnh. Trong quá trình nuôi, lợn mắc các bệnh viêm khớp, hội chứng tiêu chảy, viêm phổi với tỷ lệ lần lượt là 4,27%; 8,4%; 15,07%. Sau 3 ngày được điều trị bằng kháng sinh lợn tiến triển tốt trong đó bệnh viêm khớp có tỷ lệ khỏi cao nhất là 96,96%, thấp nhất là hội chứng lợn tiêu chảy tỷ lệ là 90,48%.</p>
<p>Từ khóa</p> <p><i>Lợn thương phẩm, sinh trưởng, bệnh viêm khớp, hội chứng tiêu chảy, viêm phổi.</i></p>	

1. Đặt vấn đề

Phát triển chăn nuôi lợn thương phẩm là một hướng đi đem lại hiệu quả kinh tế cao, mà hiện nay đang rất phổ biến và trở thành yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế của các hộ gia đình nông nghiệp và trang trại. Trong chăn nuôi lợn, nhà nước đã đặc biệt quan tâm đầu tư về công tác giống, thức ăn, thú y, từ đó chất lượng đàn lợn không ngừng được cải thiện đã đưa chăn nuôi lợn trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu ngành chăn nuôi nói riêng và phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa nói chung.

Tổng đàn lợn cả nước trong năm 2021 là 26,22 triệu con (chưa bao gồm lợn con theo mẹ), tăng 11,4% so với năm 2020 (Hội chăn nuôi Việt Nam, 2022). Tại Hưng Yên tình hình chăn nuôi lợn trong các năm vừa qua phát triển tốt với tổng đàn tổng đàn lợn khoảng 469.000 con (lợn nái 49.199 con, lợn thương phẩm 418.841 con, lợn đực giống 960 con) (Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2021). Mặc dù chăn nuôi lợn thương phẩm hiện nay đã phát triển theo quy mô trang trại công nghiệp hiện đại nhưng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý dịch bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như dịch tả lợn châu Phi, viêm phổi, hội chứng tiêu chảy, lở mông long móng...gây thiệt hại lớn về kinh tế. Làm tốt công tác chẩn đoán sẽ giúp phát hiện được nhanh và chính xác, từ đó có được phác đồ điều trị phù hợp, hiệu quả cao, giảm tỷ lệ chết, giảm thời gian dùng thuốc và giảm thiệt hại về kinh tế.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Bệnh thường gặp ở lợn thương phẩm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Chỉ tiêu tiêu đối

* Thực hiện quy trình chăn nuôi lợn thịt tại trại

- Số lượng lợn thịt trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại trại

- Tỷ lệ nuôi sống của đàn lợn thịt theo dõi (%) (Trần Văn Phùng, 2004)

$$\text{Tỷ lệ nuôi sống (\%)} = \frac{\sum \text{Số con xuất chuồng}}{\sum \text{Số con nuôi}} \times 100$$

- Tăng khối lượng tại thời điểm xuất chuồng (kg/con)

$$\text{Tăng khối lượng (kg/con)} = \text{Khối lượng đạt khi xuất chuồng} - \text{Khối lượng khi nhập giống}$$

- Sinh trưởng tuyệt đối của lợn thịt (g/con/ngày).

$$\text{Sinh trưởng tuyệt đối} = \frac{\text{Khối lượng xuất chuồng} - \text{Khối lượng ban đầu}}{\text{Số ngày nuôi}}$$

- Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng (kg)

$$\text{Tỷ lệ gà mắc bệnh (\%)} = \frac{\text{Tổng thức ăn tiêu thụ}}{\text{Tổng khối lượng tăng trong quá trình nuôi}}$$

* Kết quả thực hiện công tác tiêm phòng cho đàn lợn

Theo dõi lợn đã được tiêm phòng các loại vắc xin dịch tả lợn, hội chứng còi cọc sau cai sữa, lở mông long móng.

* Đánh giá kết quả phòng và trị bệnh cho đàn lợn thịt tại trại

- Xác định tỷ lệ mắc một số bệnh thường gặp ở đàn lợn thịt .

- Kết quả điều trị bệnh cho đàn lợn. Đánh giá kết quả điều trị bệnh cho đàn lợn thịt: Số con mắc, số con điều trị, số con khỏi, tỷ lệ khỏi.

$$\text{Tỷ lệ khỏi sau điều trị (\%)} = \frac{\text{Số lợn khỏi bệnh}}{\text{Tổng số lợn điều trị}} \times 100$$

2.2.2. Phương pháp tiến hành

* Thực hiện quy trình chăn nuôi lợn thịt tại trại Nguyễn Xuân Dũng, Ba Vì, Hà Nội

- Thực hiện quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng:

Bảng 2.1. Loại thức ăn, khẩu phần ăn và thành phần dinh dưỡng của lợn thịt trong trại

Loại thức ăn	Giai đoạn phát triển của lợn (tuần tuổi)	Khối lượng thức ăn cho lợn ăn (kg/con/ ngày)	Thành phần dinh dưỡng trong thức ăn
Milac A	4 - 6 tuần tuổi	0,41	- Độ ẩm (tối đa): 13% - Protein thô (tối thiểu): 20% - Xơ thô (tối đa): 3,0%

Loại thức ăn	Giai đoạn phát triển của lợn (tuần tuổi)	Khối lượng thức ăn cho lợn ăn (kg/con/ ngày)	Thành phần dinh dưỡng trong thức ăn
			- Ca (tối thiểu - tối đa): 0,65 - 1,0% - Năng lượng trao đổi (tối thiểu): 3400 Kcal/kg - P tổng số (tối thiểu - tối đa): 0,5 - 1,0%
XK110F	7 - 10 tuần tuổi	0,85	- Độ ẩm (tối đa): 13% - Protein thô (tối thiểu): 19% - Xơ thô (tối đa): 5% - Ca (tối thiểu - tối đa): 0,75 - 1,0% - Năng lượng trao đổi (tối thiểu): 3250 Kcal/kg - P tổng số (tối thiểu - tối đa): 0,5 - 1,0%
XK120SF	11 - 17 tuần tuổi	1,71	- Độ ẩm (tối đa): 13% - Protein thô (tối thiểu): 18% - Xơ thô (tối đa): 6% - Ca (tối thiểu - tối đa): 0,8 - 1,2% - Năng lượng trao đổi (tối thiểu): 3150 Kcal/kg - P tổng số (tối thiểu - tối đa): 0,5 - 1,0%
XK120F	18 - 21 tuần tuổi	2,45	- Độ ẩm (tối đa): 13% - Protein thô (tối thiểu): 19% - Xơ thô (tối đa): 6% - Ca (tối thiểu - tối đa): 0,8 - 1,2% - Năng lượng trao đổi (tối thiểu): 3150 Kcal/kg - P tổng số (tối thiểu - tối đa): 0,5 - 1,0%
XK130E	22 - 24 tuần tuổi	2,57	- Độ ẩm (tối đa): 13% - Protein thô (tối thiểu): 16% - Xơ thô (tối đa): 6%

(Nguồn công ty trách nhiệm hữu hạn Japfa Comfeed Việt Nam năm 2021)

* Đánh giá kết quả phòng và trị bệnh cho đàn lợn thịt tại trại.

- Để xác định tình hình nhiễm bệnh trên đàn lợn, tiến hành theo dõi hàng ngày, thông qua phương pháp chẩn đoán lâm sàng. Bằng mắt thường đánh giá qua biểu hiện lâm sàng như trạng thái cơ thể, bộ phận sinh dục ngoài, chu kỳ động dục.

- Lập sổ sách theo dõi đàn lợn cần điều tra bằng cách theo dõi, ghi chép những lợn có biểu hiện lâm sàng, triệu chứng lâm sàng...

- Hàng ngày theo dõi sức khoẻ đàn lợn, phát hiện những con mắc bệnh.

- Từ kết quả theo dõi hàng ngày, tính toán tỷ lệ lợn mắc bệnh.

- Sử dụng phương pháp phân nhóm, tương đương nhau, điều trị bằng hai pháp đồ điều trị khác nhau.

- Theo dõi tất cả các cá thể điều trị, ghi chép số liệu những con khỏi bệnh, những con không khỏi...

- Sau khi có kết quả điều trị tôi đánh giá được hiệu quả trị của từng pháp đồ điều trị.

Lịch phòng bệnh bằng vắc xin cho đàn lợn thịt của trại được trình bày ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Lịch tiêm phòng vắc xin cho lợn thịt của trại

Tuần tuổi	Loại vắc xin	Vị trí tiêm	Phòng bệnh
5	Circo	Tiêm bắp	Hội chứng còi cọc sau cai sữa
	SFV 1	Tiêm bắp	Dịch tả (lần 1)
7	FMD	Tiêm bắp	Lở mồm long móng
9	SFV 2	Tiêm bắp	Dịch tả (lần 2)

(Nguồn: Theo dõi lịch tiêm phòng vắc xin cho đàn lợn thịt của trại trong năm 2021)

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu thu thập được xử lý phần mềm Microsoft Office Excel.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả chăn nuôi đàn lợn thịt thương phẩm

3.1.1. Tỷ lệ nuôi sống đàn lợn thịt thương phẩm

Bảng 3.1. Tỷ lệ nuôi sống lợn thịt

TT	Diễn giải	ĐVT	Kết quả đạt được
1	Số đàn nuôi	Đàn	01
2	Số lợn nuôi (4 tuần tuổi)	Con	750
3	Số con xuất chuồng (24 tuần tuổi)	Con	738
4	Tỷ lệ nuôi sống đến lúc xuất chuồng	%	98,4

Kết quả bảng 3.1 cho thấy, 750 con lợn thịt được nuôi theo quy trình chăm sóc nuôi dưỡng của trang trại, đàn lợn thịt 3 máu có tỉ lệ sống tương đối cao, đạt tới 98,4%. Điều này thể hiện quy trình chăm sóc nuôi dưỡng đàn lợn khá tốt, đàn lợn khỏe mạnh.

3.1.2. Sinh trưởng của đàn lợn thịt thương phẩm

Để đánh giá sinh trưởng của đàn lợn thịt, đã tiến hành theo dõi khối lượng lợn lúc bắt đầu nuôi và khối lượng lúc xuất chuồng. Kết quả được trình bày tại bảng 3.2

Bảng 3.2. Khối lượng lợn qua các kỳ cân

TT	Diễn giải	ĐVT	Kết quả đạt được
1	Số đàn nuôi	Đàn	01
2	Số lợn nuôi	Con	750
3	Khối lượng trung bình bắt đầu nuôi	Kg	6,51
4	Thời gian nuôi của đàn lợn	ngày	148
5	Khối lượng trung bình lúc xuất bán	Kg	112,8
6	Tăng khối lượng (ADG)	g/con/ngày	718,17

Kết quả bảng 3.2 cho thấy: Khối lượng đàn lợn khi bắt đầu đưa vào nuôi thịt đạt bình quân 6,51 kg/con. Sau 148 ngày nuôi, khối lượng xuất chuồng đạt bình quân 112,8 kg/con. Tốc độ tăng khối lượng đạt 718,17 g/con/ngày. Kết quả này cho thấy, lợn nuôi thịt có tăng khối lượng ở vào mức tương đối tốt, điều đó là do chất

lượng con giống, chất lượng thức ăn và quy trình chăm sóc nuôi dưỡng đàn lợn đáp ứng được yêu cầu sinh trưởng của đàn lợn, một số công thức lai do kết hợp được tiềm năng di truyền của bố mẹ và tạo được ưu thế lai về tính trạng sản xuất nên thường có khả năng sản xuất tốt hơn các giống thuần.

Tăng trọng của lợn lai Duroc x (Landrace x Yorkshire) ở nghiên cứu của Hoàng Nghĩa Duyệt (2008) [2] là 714g/con/ngày. Như vậy, có thể thấy kết quả theo dõi này là khá cao so với các kết quả nghiên cứu trên. Có sự chênh lệch kết quả này là do chất lượng về con giống, chất lượng thức ăn và quy trình chăm sóc nuôi dưỡng của đàn lợn, cụ thể là các nghiên cứu ở trên được thực hiện từ khá lâu, vậy sau hơn 10 năm chất lượng thức ăn, con giống, cơ sở nuôi dưỡng, điều kiện chăn nuôi và chăm sóc đàn lợn đã được cải thiện rất nhiều nên mới có sự khác biệt này.

Khả năng tăng khối lượng của lợn lai Duroc x (Landrace x Yorkshire) cao hơn so với khối lượng của lợn Pietrain, Landrace và Yorkshire. Theo kết quả nghiên cứu của Đỗ Đức Lực và cs. (2008) [4] lợn đực Pietrain có kiểu gen halothane CC và CT giai đoạn từ 2 đến 8,5 tháng tuổi tương ứng là 507,00 và 585,97 g/ngày. Hà Xuân Bộ và cs. (2013) [1] cũng nghiên cứu trên lợn đực Pietrain có kiểu gen halothane CC và CT giai đoạn từ 2 đến 7,5 tháng tuổi cho kết quả tương tự là 559,57 và 546,31 g/ngày. Phan Xuân Hào (2002) [3] công bố lợn Landrace và Yorkshire giai đoạn từ 20 - 100 kg có khả năng tăng khối lượng là 646,00 và 619,74 g/ngày.

3.1.3. Hiệu quả sử dụng thức ăn của đàn lợn thịt thương phẩm

Hiệu quả sử dụng thức ăn là một chỉ tiêu rất quan trọng trong chăn nuôi lợn ở tất cả các giai đoạn sinh trưởng. Nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của lợn đã tiến hành cân khối lượng thức ăn lợn thí nghiệm ăn được, từ đó tổng hợp và tính toán chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn cho 1 kg tăng khối lượng lợn. Kết quả tính toán về hiệu quả sử dụng thức ăn của lợn được trình bày qua bảng 3.3.

Bảng 3.3. Hiệu quả sử dụng thức ăn của lợn thịt tại trại

TT	Giai đoạn	ĐVT	Kết quả đạt được
1	Số lợn theo dõi	Con	750
2	Tổng khối lượng tăng	Kg	78.442
3	Tổng thức ăn tiêu thụ	Kg	163.480
4	Tiêu tốn thức ăn /kg khối lượng(FCR)	Kg	2,08

Kết quả bảng 3.3 cho thấy, tổng lượng thức ăn tiêu thụ trong thời gian nuôi là 163.480 kg, tổng khối lượng tăng là 78.442 kg, tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng khối lượng là 2,08kg.

Như vậy, kết quả này là tương đối tốt khi so sánh với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác. Kết quả nghiên cứu của Lê Đình Phùng và cs (2009) [5], lợn thịt lai 3 máu trong giai đoạn từ 75 đến 164 ngày tuổi có tăng trọng trung bình 742g/con/ngày tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng trọng là 2,55kg.

3.2. Kết quả phòng và trị bệnh cho đàn lợn của trại

3.2.1. Kết quả thực hiện công tác tiêm phòng

Quy trình tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho đàn lợn luôn được trại thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng kỹ thuật, đúng quy trình. Tiêm phòng cho đàn lợn nhằm tạo ra trong cơ thể lợn có miễn dịch chủ động, để chống lại sự xâm nhập của vi khuẩn, vi rút gây bệnh, tăng sức đề kháng cho cơ thể, nhằm hạn chế những rủi ro, bất cập trong chăn nuôi.

Bảng 3.4. Kết quả tiêm phòng vắc xin cho đàn lợn tại trại

Nội dung công việc	Số lượng (con)	Kết quả (an toàn/khỏi)	
		Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Hội chứng còi cọc sau cai sữa	750	750	100
Dịch tả (lần 1)	750	750	100
Lở mồm long móng	750	750	100
Dịch tả (lần 2)	750	750	100

Bảng 3.4 cho thấy: đã tiêm phòng cho 750 lợn vắc xin phòng Hội chứng còi cọc sau cai sữa và dịch tả lần 1, 750 lợn vắc xin lở mồm long móng, 750 lợn vắc xin dịch tả lần 2. Sau khi sử dụng vắc xin, 100% số lợn đều không có biểu hiện bất thường hay phản ứng thuốc.

3.2.2. Kết quả chẩn đoán một số bệnh ở lợn thịt tại trại

Kết quả theo dõi về tình hình mắc bệnh của đàn lợn thịt được trình bày tại bảng 3.5.

Bảng 3.5: Tình hình mắc một số bệnh trên đàn lợn thịt nuôi tại trại

Tên bệnh	Số con theo dõi (con)	Số con bị bệnh (con)	Tỷ lệ (%)	Biểu hiện lâm sàng quan sát được trên đàn lợn ở trại
Hội chứng tiêu chảy	750	63	8,4	- Lợn ít ăn, bỏ ăn - Lợn ỉa chảy, phân lúc nước lúc sền sệt, hậu môn dính phân - Khi lợn đi ỉa rặn nhiều bụng uồng cong, bụng thóp lại - Lông xù, gầy nhanh, da nhăn nheo nhợt nhạt
Viêm phổi		113	15,07	- Ho nhiều, ho khan, ho kéo dài - Nặng lợn sẽ sốt cao, bỏ ăn, khó thở
Viêm khớp		32	4,27	- Lợn bị què, lợn bị sưng khớp, đi khập khiễng, đi lại khó khăn

Kết quả bảng 3.5 cho thấy trong quá trình nuôi lợn thịt tại trại mắc các bệnh sau:

Bệnh hội chứng tiêu chảy: số con mắc bệnh là 63 con, chiếm tỷ lệ 8,4%, có biểu hiện: ỉa chảy, phân lúc nước lúc sền sệt, hậu môn dính phân. Lợn bị tiêu chảy do nhiều nguyên nhân, có thể do nhiễm vi trùng, do thức ăn hỏng, do kí sinh trùng hoặc do quản lí của con người không tốt.

Bệnh viêm phổi: Số con mắc bệnh là 113 con chiếm tỷ lệ 15,07% có biểu hiện: ho nhiều, ho khan, ho kéo dài. Nặng lợn sẽ sốt cao, bỏ ăn, khó thở. Nguyên nhân có thể do thời tiết lạnh, lợn dễ mắc các bệnh về đường hô hấp.

Bệnh viêm khớp: Số con mắc bệnh là 32 con chiếm tỷ lệ 4,27% có biểu hiện: lợn bị què, lợn bị sưng khớp, đi khập khiễng, đi lại khó khăn. Bệnh viêm khớp do vi khuẩn *Streptococcus suis* gây ra, thường xâm nhập vào cơ thể theo đường miệng, bám nanh, bám tai biểu hiện này giống mô tả về bệnh viêm khớp của tác giả Nguyễn Bá Hiền (2013).

3.2.3. Kết quả điều trị một số bệnh trên đàn lợn thịt nuôi tại trại

Bảng 3.6. Kết quả điều trị một số bệnh cho đàn lợn thịt nuôi tại trại

TT	Tên bệnh	Phác đồ điều trị	Thời gian điều trị (ngày)	Số con điều trị (con)	Số con khỏi (con)	Tỷ lệ khỏi (%)
1	Hội chứng tiêu chảy	+ Mycocin - 100: 1ml/40kg TT/ngày	3	63	57	90,48
2	Viêm phổi	+ Genta - Tylo: 1ml/10kg TT/ngày +Bromhexine 0.3%: 1ml/10kg TT/ngày	3	58	55	94,82
		+ F300-inj: iml/20kg TT/48h + Bromhexine 0.3%: 1ml/10kg TT/ngày	3	55	53	96,36
3	Viêm khớp	+ Pendistrep: 1ml/10kg/TT/ngày + Anagin C: 1ml/10kg/TT/ngày	3	32	31	96,96

Trong quá trình điều trị bệnh cho lợn tại trại lợn đã sử dụng các phác đồ điều trị sau đây:

- Điều trị hội chứng tiêu chảy

Đã phát hiện được 63 con lợn có biểu hiện tiêu chảy, sử dụng phác đồ điều trị là tiêm thuốc Mycocin - 100, vị trí tiêm bắp đã có 57 con lợn khỏi bệnh, tỷ lệ khỏi bệnh là 90,48 %; kết quả này tương đồng với tác giả Bùi Văn Tiến (2015) khi điều trị cho 116 con lợn có biểu hiện tiêu chảy, tỷ lệ khỏi bệnh là 91,12% . Mycocin - 100 trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột ở lợn và gia cầm do vi khuẩn gây ra như: *Campylobacter*; *E.coli*, *salmonella* spp... Anagin- C: hạ sốt, giảm đau, giảm co thắt, chống cảm nắng, cảm nóng và stress.

Giải độc, hồi sức, tăng lực, gia súc nhanh chóng ăn uống lại bình thường. Chống chướng bụng, giảm nhu động ruột.

- Điều trị bệnh viêm phổi:

Đã sử dụng 2 phác đồ để điều trị bệnh cho lợn như sau:

+ Phác đồ 1: Genta - Tylo+bromhexine 0.3 %.

+ Phác đồ 2: F300-inj + bromhexine 0.3 %.

Qua bảng 3.6 cho thấy: trong 58 con lợn điều trị bằng Genta - Tylo bromhexine 0,3% có 55 con lợn khỏi bệnh, tỷ lệ khỏi bệnh là 94,82%; trong 55 con lợn điều trị bằng dụng thuốc là: F300-inj + bromhexine 0,3 % có 53 con lợn khỏi bệnh, tỷ lệ khỏi bệnh là 96,36%. Từ đây cho thấy: việc sử dụng thuốc: Genta - Tylo+ bromhexine 0,3% để điều trị bệnh đường hô hấp có hiệu quả thấp hơn F300-inj + bromhexine 0,3%.

Triệu chứng khi lợn khỏi bệnh là: con lợn khỏe mạnh trở lại, nhanh nhẹn, đi lại ăn uống bình thường, không ho, tần số hô hấp và nhịp tim bình thường.

- Điều trị bệnh viêm khớp:

Đã phát hiện được 32 con lợn có biểu hiện viêm khớp và sử dụng phác đồ điều trị: Pendistrep +Anagin C; liều lượng tiêm 1ml/10 kg thể trọng. Qua bảng trên cho thấy, tỷ lệ lợn khỏi bệnh là 96,96%. Triệu chứng khi lợn khỏi bệnh là: lợn khỏe mạnh trở lại, nhanh nhẹn, đi lại ăn uống bình thường

4. Kết luận

Lợn nuôi tại trại được phòng các loại vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn, hội chứng còi cọc sau cai sữa, lở mồm long móng đạt tỷ lệ 100% lợn không mắc bệnh. Tỷ lệ nuôi sống của đàn lợn tại trại là 98,4%. Trong quá trình nuôi lợn tại trại lợn mắc bệnh hội chứng tiêu chảy, viêm phổi, viêm khớp trong đó lợn mắc bệnh viêm phổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 15,07%. Sau 3 ngày sử dụng kháng sinh điều trị tỷ lệ khỏi bệnh đạt trên 90%.

REFERENCES

[1] Bo, H.X., Luc, D.D., Dinh, B.V., Doan, B.H., Ton, V.D., & Binh, D.V. (2013). Growth performance and semen quality of stress-resistant Piestrain boars reared at a high-quality breeding center - Hanoi University of Agriculture. *Journal of Science and Development*, 4(2): 194-199.

[2] Duyet, H.N. (2008) “Evaluation of the situation of raising foreign pigs in Thang Binh district, Quang Nam province”, *Hue University Science Journal*, 12(46), 27-33.

[3] Hao. P.X. (2008). *Determination of some parameters on reproduction, productivity and meat quality of Landrace and Yorkshire pigs with different*

- Halothane genotypes*. Doctoral thesis in agriculture, Hanoi, 2002.
- [4] Hien, N.B., Le. H.T.M (2012), *Textbook of veterinary infectious diseases*, Agricultural university publishing house - Hanoi
- [5] Phung, T.V., Hien, T.Q. (2004), *Textbook of swine production*, Ha Noi Agriculture Publishing House.
- [6] Phung, L.D. (2009). Research on growth and meat production capacity of a combination of three foreign breeds Pietrain X (Landrace X Yorkshire) in Thua Thien Hue. *Scientific Journal, Hue University*, No. 55.
- [7] Luc, D.D., Dinh, B.V., Dinh, N.H. (2008). Initial results of evaluating the growth ability of stress-resistant Pietrain pigs raised in Hai Phong (Vietnam). *Journal of Science and Development*, 6(6): 549-555
- [8] Tien, B.V. (2015), "Study on some epidemiological characteristics, the role of *E. coli* bacteria in diarrhea in pigs 1 -45 days old in mountainous district of Thanh Hoa province, preventive measures treatment", *Master's Thesis in Veterinary Medicine*, University of Agriculture and Forestry, Thai Nguyen University
- [9] Vietnam Livestock Association (2022), Livestock situation in Vietnam in 2021
- [10] Department of Agriculture and Rural Development (2021), Agricultural production situation in Hung Yen province in December 2021.